

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SY  
TỈNH Q

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 174/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 22/6/2023

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SY, TỈNH Q**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hà Thị Vinh

2. Bà Lộc Thị Kim Thơm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện SY, tỉnh Q.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện SY, tỉnh Q** tham gia phiên tòa:  
Bà Hoàng Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 22/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện SY mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2023, về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/5/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2023, giữa:

\* *Nguyên đơn:* Chị **PTKT**, sinh năm 1988.

\* *Bị đơn:* Anh **NQH**, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Thôn TrS, xã CS, huyện SY, tỉnh Q.

(Chị Th và anh H đều có mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị PTKT trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh NQH đăng ký kết hôn vào ngày 24/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã CS, huyện SY, tỉnh Q, do hai bên tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống chung cùng gia đình nhà anh H tại thôn TrS, xã CS, huyện SY, tỉnh Q. Thời gian đầu vợ chồng chị sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do anh H thường xuyên uống rượu không quan tâm đến gia đình, thỉnh thoảng uống rượu về hay chửi mắng chị, vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không tìm được tiếng nói chung. Chị và anh H sống ly thân từ năm 2022

đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn yêu thương quý trọng nhau nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh NQH.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung, là cháu NTC, sinh 22/01/2010 và cháu NAT, sinh ngày 15/12/2015, hiện cháu Ch đang đi học xa nhà, còn cháu Th đang ở với anh H. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả cháu Ch và cháu Th. Nếu trường hợp anh H không nhất trí để chị được nuôi cả hai con thì chị đề nghị được nuôi cháu Ch còn anh H nuôi cháu Th. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Chị xác định, chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu toà án giải quyết.

*Trong biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn anh NQH trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị PTKT đăng ký kết hôn vào ngày 24/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã CS, huyện SY, tỉnh Q, do hai bên tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống chung cùng gia đình nhà anh tại thôn TrS, xã CS, huyện SY, tỉnh Q. Thời gian đầu vợ chồng chị sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống. Anh và chị Th sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn yêu thương quý trọng nhau nên anh nhất trí ly hôn với chị Th, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị PTKT.

Về con chung: Anh và chị Th có 02 con chung, là cháu NTC, sinh 22/01/2010 và cháu NAT, sinh ngày 15/12/2015, hiện cháu Ch đang đi học xa nhà, còn cháu Th đang ở với anh. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả cháu Ch và cháu Th. Nếu trường hợp chị Th không đồng ý để anh được nuôi cả hai con thì anh cũng nhất trí để chị Th nuôi cháu Ch còn anh nuôi cháu Th. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Anh xác định, anh và chị Th không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành gửi thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh H để anh H đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng anh H vắng mặt. Do vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện SY phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị PTKT và anh NQH. Về con chung: Công nhận sự thỏa

thuận của các đương sự, giao cháu NTC, sinh 22/01/2010 cho chị PTKT trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu NAT, sinh ngày 15/12/2015 cho anh NQH trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th và anh H đều xác định không có nên không đề nghị xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị PTKT và anh NQH là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh NQH có hộ khẩu thường trú tại thôn TrS, xã CS, huyện SY, tỉnh Q nên chị Th khởi kiện xin ly hôn với anh H là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện SY theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị PTKT và anh NQH kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hai vợ chồng chung sống không hòa thuận, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn làm cho vợ chồng không còn chung sống hạnh phúc. Chị Th và anh H sống ly thân từ năm 2022 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa, mỗi người có một cuộc sống riêng nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Th và anh H cùng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Vì vậy, cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Th và anh H.

[3] Về con chung: Chị Th và anh H có 02 con chung, là cháu NTC, sinh 22/01/2010 và cháu NAT, sinh ngày 15/12/2015, hiện cháu Ch đang đi học xa nhà, còn cháu Th đang ở với anh H. Quá trình giải quyết vụ án chị Th và anh H đều yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu. Tuy nhiên tại phiên tòa chị Th và anh H đều nhất trí thỏa thuận giao cháu Ch cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Th cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự về việc giao nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, cháu Ch cũng có nguyện vọng muốn được ở với mẹ còn cháu Th có nguyện vọng ở với bố. Chị Th và anh H đều có điều kiện kinh tế đảm bảo như nhau nên cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao nuôi con chung.

[4] Về tài sản, về nợ chung: Chị Th và anh H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Th phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh H không phải nộp án phí.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.  
*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xir:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị PTKT và anh NQH.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu NTC, sinh 22/01/2010 cho chị PTKT trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu NAT, sinh ngày 15/12/2015 cho anh NQH trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị PTKT phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0006217, ngày 10 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện SY, tỉnh Q. Anh NQH không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị PTKT và anh NQH có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án./.

#### ***Nơi nhận***

- TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện SY;
- Chi cục THADS huyện SY;
- UBND xã CS (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Phạm Thị Quỳnh**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Thị Vinh - Lộc Thị Kim Thơm**

**Phạm Thị Quỳnh**

